

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

V. Lĩnh vực viễn thông và internet

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải gửi 01 bộ hồ sơ tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Cục Viễn thông xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, <i>cơ quan cấp giấy phép</i> có trách nhiệm
--------------------	--

	gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i>

	- Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP);

	<i>Mẫu số 07 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP);</i> Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; e) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định

	của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ. 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02
--	--

	đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc
--	---

kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

	theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.
--	--

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)*

- ☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 10

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN

ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

2. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

2. Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) phải gửi 01 bộ hồ sơ tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Cục Viễn thông xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i>

	+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP) <i>Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

	hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (*Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định*).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (*Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép*)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông <i>tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Cục Viễn thông xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện
--------------------	---

	theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, <i>Cục Viễn thông</i> có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có</i>

	trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP) Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- 1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
- 2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi cấu hình mạng viễn thông được quy định tại giấy phép. b) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất); c) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông <i>tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. <i>Cục Viễn thông</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển
--------------------	---

	quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, <i>cơ quan cấp giấy phép</i> có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành</i>

	<i>chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; d) <i>Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP;</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Cục Viễn thông</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh

tờ khai (nếu có và đính kèm)	doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP) <i>Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật trong 5 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP)</i> Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<i>Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

5. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng) tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ 3. <i>Cục Viễn thông</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch
--------------------	---

	vụ viễn thông, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính</i>

	vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư) (khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; e) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư) (khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
---	--

	kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương):
--	---

	Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu
--	--

trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất

1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng

	tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản</i>

	<i>xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 13/2025/TT-BKHHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

6. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 36 Nghị định 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi cấu hình mạng viễn thông được quy định tại giấy phép. b) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất); c) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông <i>tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. <i>Cục Viễn thông</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện
--------------------	---

	theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, <i>cơ quan cấp giấy phép</i> có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở</i>

	dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP)

	Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật trong 5 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP) Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung: Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số

163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; b) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng) tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ 3. Cục Viễn thông xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ,
--------------------	---

	Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có

	thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; d) <i>Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP;</i> đ) Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; e) Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP để đáp ứng điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép (trong trường hợp doanh nghiệp chưa đầu tư đủ số vốn đầu tư tối thiểu tương ứng quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định 163/2024/NĐ-CP). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành	Doanh nghiệp

chính	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Cục Viễn thông</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) <i>Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP)</i> Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư) (khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia);

	b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; e) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký đầu tư)(khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia); b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; c) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; d) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ
--	---

	các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép
--	---

	để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng
--	--

	viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.
--	---

	3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

	vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	---

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- 1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
- 2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

- a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN

ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

3. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

4. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

8. Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng <i>trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện</i> và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn <i>tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. <i>Cục Viễn thông</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> xét gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, <i>cơ quan cấp giấy phép</i> có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i>

	+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp

	giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP) Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông,

	yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm..... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngàytháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24

tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
 - b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
 - d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
10. Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
11. Nhân lực
Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông
Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

9. Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ 2. <i>Cục Viễn thông</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> xét gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, <i>cơ quan cấp giấy phép</i> có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Cục Viễn thông</i> thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V Biểu mẫu kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính	Mẫu số 01- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP) Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số

kèm)	163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm..... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngàytháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24

tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
8. Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
9. Nhân lực
Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

10. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trừ loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện và loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. Yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ này không áp dụng đối với các giấy phép hết hạn trước ngày thứ 60 kể từ ngày Nghị định số 163/2024/NĐ-CP có hiệu lực. 2. <i>Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. <i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.</i> <i>Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn</i>
---------------------------	---

	<i>bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.”.</i> 4. Trường hợp cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc

	gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; d) Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; đ) Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Viễn thông. e) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; g) Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	12 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) <i>Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh trong và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)</i> Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc cấp lại giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 36 Luật Viễn thông, có xem xét việc thực hiện nội dung quy định trong giấy phép viễn thông đã cấp và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị</i>

	<i>định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	---

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

□ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)*

□ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
 (Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

5. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

6. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

11. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. 2. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. Yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ này không áp dụng đối với các giấy phép hết hạn trước ngày thứ 60 kể từ ngày Nghị định số 163/2024/NĐ-CP có hiệu lực. 3. <i>Cục Viễn thông xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i> <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp.</i> <i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.</i> <i>Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.</i> 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp lại giấy phép dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i>

	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. c) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban

	<i>hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP;</i> d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	<i>12 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) <i>Mẫu số 2 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP)</i> Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc cấp lại giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 36 Luật Viễn thông, có xem xét việc thực hiện nội dung quy định trong giấy phép viễn thông đã cấp và quyền lợi của

	người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 13/2025/TT-BKHHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

□ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)*

□ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

□ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

12. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phải gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh với thời hạn không quá 03 năm để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:
do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ...
tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)*

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

-Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

13. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp; c) Thay đổi cấu hình mạng viễn thông được quy định tại giấy phép. d) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép; đ) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng) tới <i>Bộ phận Một cửa của</i> Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng
--------------------	--

	văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ

	quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. c) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ Phí: 500.000 đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

14. Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép kinh cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i>

	- <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) <i>Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V Biểu mẫu kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> b) <i>Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) <i>Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng được gia hạn theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: 500.000 đồng - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 01- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm..... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngàytháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24

tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

15. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. 2. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. Yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ này không áp dụng đối với các giấy phép hết hạn trước ngày thứ 60 kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực 3. <i>Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp.</i> <i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.</i> <i>Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.</i> 4. Trường hợp cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
--------------------	---

	6. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và</i>

	<i>bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; đ) Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp lại theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

(nếu có và đính kèm)	- Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số...../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số..../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)*

- ☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
- ☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

c) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

16. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.

Trình tự thực hiện	- Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông). - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; - Chậm nhất 90 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức về việc đủ điều kiện xét cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại thì phải nêu rõ lý do. - Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông phải nộp để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Chậm nhất 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 33 Nghị định 63/2023/NĐ-CP được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP;

	- Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức nộp hồ sơ hợp lệ và đã nộp đủ các khoản tiền quy định được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức có nhu cầu cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu số 04 - Đơn đăng ký tham gia thi tuyển (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP). - Phụ lục IV - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng tuyển (ban hành kèm theo Nghị định 63/2013/NĐ-CP). - Mẫu số 05 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP) - Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP)

	- <i>Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP).</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Đáp ứng điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; b) Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp lại xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp lại; c) Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023. - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.</i>

	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẤU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm Điện thoại: Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	
3	Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép	
4	Chất lượng dịch vụ viễn thông	
5	Chuyển vùng dịch vụ viễn thông	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP

DOANH NGHIỆP

(Tên công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THI TUYỂN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Sau khi nghiên cứu các nội dung quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (tại Quyết định số ngày....),

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đăng ký tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần/kênh tần số

Nếu trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khối băng tần/kênh tần số....., (tên doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông theo Bản cam kết tại Hồ sơ thi tuyển và chấp hành quy định pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Kèm theo Đơn đăng ký này là các tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đăng ký này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

Như trên;

...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

17. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần cấp lại Giấy phép sử dụng băng tần.

Trình tự thực hiện	- Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông). - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; - Chậm nhất 90 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức về việc đủ điều kiện xét cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. Trường hợp không đủ điều kiện cấp mới thì phải nêu rõ lý do. - Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông phải nộp để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Chậm nhất 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản này được cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i>

	+ <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với băng tần đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> - <i>Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V Biểu mẫu theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP;</i> - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

	- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP d) Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện; đ) Tài liệu khác theo yêu cầu của phương án tổ chức thi tuyển. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ gốc kèm bản lưu điện tử.
Thời hạn giải quyết	30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức nộp hồ sơ hợp lệ và đã nộp đủ các khoản tiền quy định được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Phí, lệ phí (nếu có)	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	- Mẫu số 04 - Đơn đăng ký tham gia thi tuyển (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP); - Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP); - <i>Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP);</i> - Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại

	giấy phép (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP); - Phụ lục IV - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV (ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Đáp ứng điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; b) Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp lại xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp lại; c) Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.</i>

	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

**Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.*

Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP

DOANH NGHIỆP

(Tên công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THI TUYỂN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Sau khi nghiên cứu các nội dung quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (tại Quyết định số ngày....),

(Tên doanh nghiệp):

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đăng ký tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần/kênh tần số

Nếu trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khối băng tần/kênh tần số....., (tên doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông theo Bản cam kết tại Hồ sơ thi tuyển và chấp hành quy định pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Kèm theo Đơn đăng ký này là các tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đăng ký này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

Như trên;

...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP ———

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số...../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số..../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
 - d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
 9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
 10. Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
 11. Nhân lực
Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
 12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông
Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
8. Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẤU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại: Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	
3	Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép	
4	Chất lượng dịch vụ viễn thông	
5	Chuyển vùng dịch vụ viễn thông	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

18. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Trình tự thực hiện:	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai phương án tổ chức đấu giá, tổ chức tham gia đấu giá phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i>. - Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức đã nộp hồ sơ biết nếu hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hồ sơ không hợp lệ, tổ chức phải hoàn thiện và nộp lại hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cấp Giấy xác nhận tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo từ chối cấp giấy xác nhận, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ:

	a) Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông; hoặc hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng, giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần do thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông đã được cấp phép bao gồm: b1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; b2) - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> b3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo quy định của pháp luật về viễn thông; b4) Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật phù hợp với tài nguyên viễn thông thay đổi theo quy định của pháp luật về viễn thông; c) Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;
--	---

	d) Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông theo Mẫu 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; đ) Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy xác nhận tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	-Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); -Phụ lục IV - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); -Mẫu số 02 - Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông theo (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

tục hành chính (nếu có):	- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật; - Đáp ứng điều kiện cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; - Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua đấu giá; - Cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp giấy phép sử dụng thông qua đấu giá.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

	quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	---

Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Viễn thông ...;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)*

2. Địa chỉ trụ sở chính: *(địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư)*

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

4. Điện thoại:.....Fax: Website

Phần 2. Đề nghị cấp giấy xác nhận

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần)

Phần 3. Tài liệu kèm theo

...

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện tham gia đấu giá và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẦU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:..... Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	<i>Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai</i>	
2	<i>Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý</i>	
3	<i>Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép</i>	
4	<i>Chất lượng dịch vụ viễn thông</i>	
5	<i>Chuyển vùng dịch vụ viễn thông</i>	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN CAM KẾT VỀ MỨC TRẢ GIÁ TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP
TRÚNG ĐẦU GIÁ**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:....do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:.....Fax:.....Website:.....

Căn cứ Luật Tàn số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần), (Doanh nghiệp) cam kết như sau:

1. Mức trả giá khởi băng tần trong trường hợp doanh nghiệp trúng đầu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định theo pháp luật về viễn thông.

2. Chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định pháp luật.

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

19. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với doanh nghiệp chưa được cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Trình tự thực hiện:	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai phương án tổ chức đấu giá, tổ chức tham gia đấu giá phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i>. - Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức đã nộp hồ sơ biết về hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hồ sơ không hợp lệ, tổ chức phải hoàn thiện và nộp lại hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cấp giấy xác nhận tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo từ chối cấp giấy xác nhận, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ:

	a) Đơn đề nghị xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; b) Hồ sơ đề nghị cấp hoặc cấp lại hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về viễn thông; c) Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; d) Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông theo Mẫu 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; đ) Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy xác nhận tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	- Mẫu số 01 - Đơn đề nghị xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); - Phụ lục IV - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá (ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); - Mẫu số 02 - Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương

	án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại hoặc cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật; - Đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại hoặc cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; - Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua đấu giá; - Cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp giấy phép sử dụng thông qua đấu giá.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý</i>

	<i>nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
--	---

Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

4. Điện thoại:Fax: Website....

Phần 2. Đề nghị cấp giấy xác nhận

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần)

Phần 3. Tài liệu kèm theo

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện tham gia đấu giá và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)
Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

Mẫu 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN CAM KẾT VỀ MỨC TRẢ GIÁ TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP
TRÚNG ĐẦU GIÁ**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:.....do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:.....Fax:.....Website:.....

Căn cứ Luật Tàn số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần), (Doanh nghiệp) cam kết như sau:

1. Mức trả giá khởi bằng tần trong trường hợp doanh nghiệp trúng đầu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định theo pháp luật về viễn thông.

2. Chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định pháp luật.

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm ...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
SAU KHI TRÚNG ĐẦU GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI
QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại:..... Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số 163/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (đấu giá/thi tuyển) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	<i>Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai</i>	
2	<i>Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý</i>	
3	<i>Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép</i>	
4	<i>Chất lượng dịch vụ viễn thông</i>	
5	<i>Chuyển vùng dịch vụ viễn thông</i>	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

20. Thủ tục cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với doanh nghiệp đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện:	Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải gửi 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức về hồ sơ không hợp lệ; Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề nghị chuyển nhượng; b) Văn bản thỏa thuận giữa tổ chức đề nghị chuyển nhượng và tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng; c) Cam kết của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về việc kế thừa đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng; d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp, tình hình thực hiện cam kết triển khai

	mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá của tổ chức đề nghị chuyển nhượng; đ) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng; e) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc văn bản đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của tổ chức đề nghị chuyển nhượng. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Quyết định cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
Lệ phí (nếu có):	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	- Mẫu số 01 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP); - Văn bản đề nghị chuyển nhượng
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	I/ Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông, điều kiện cấp giấy phép quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật Tần số vô tuyến điện và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng; II/ Tổng độ rộng băng tần được phép sử dụng của tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần;

	III/ Tổ chức đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm sau: 1. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng. 2. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. 3. Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện. IV/ Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm sau: 1. Thực hiện các quyền, trách nhiệm được chuyển nhượng và không được phép tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được chuyển nhượng cho tổ chức khác. 2. Thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông do bên chuyển nhượng đã cam kết để được cấp giấy phép sử dụng băng tần; thực hiện các điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, quyền và nghĩa vụ tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của bên chuyển nhượng. 3. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. 4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, tần số vô tuyến điện. 5. Nộp đầy đủ, đúng hạn lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí về viễn thông theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện, viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15.

	- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

21. Thủ tục cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với doanh nghiệp chưa được cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện:	Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải gửi 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức về hồ sơ không hợp lệ; Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện:	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề nghị chuyển nhượng; b) Văn bản thỏa thuận giữa tổ chức đề nghị chuyển nhượng và tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng; c) Cam kết của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về việc kế thừa đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng;

	d) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có sử dụng băng tần của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông; đ) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp, tình hình thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá của tổ chức đề nghị chuyển nhượng; e) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc văn bản đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của tổ chức đề nghị chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Quyết định cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
Lệ phí (nếu có):	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	I/ Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông, điều kiện cấp giấy phép quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật Tần số vô tuyến điện và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng; II/ Tổng độ rộng băng tần được phép sử dụng của tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần; III/ Tổ chức đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm sau:

	1. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng. 2. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. 3. Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện. IV/ Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm sau: 1. Thực hiện các quyền, trách nhiệm được chuyển nhượng và không được phép tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được chuyển nhượng cho tổ chức khác. 2. Thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông do bên chuyển nhượng đã cam kết để được cấp giấy phép sử dụng băng tần; thực hiện các điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, quyền và nghĩa vụ tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của bên chuyển nhượng. 3. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. 4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, tần số vô tuyến điện. 5. Nộp đầy đủ, đúng hạn lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí về viễn thông theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện, viễn thông.
--	---

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và hướng dẫn thi hành Luật viễn thông. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
---	---

22. Thủ tục phân bổ mã, số viễn thông theo phương thức trực tiếp

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị phân bổ mã, số viễn thông tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i>. 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định phân bổ mã, số viễn thông. Trường hợp từ chối phân bổ mã, số viễn thông, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Viễn thông có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối. 3. Đối với mã, số viễn thông đề nghị phân bổ phải đưa ra niêm yết để lựa chọn đấu giá thì thời hạn thẩm định là 35 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị phân bổ mã, số viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>; (Địa chỉ <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>: + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đối mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội</i>; + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh</i>; + <i>Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng</i>). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp) hoặc bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với các cơ quan, tổ chức không phải là doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường</i>

	<i>hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính</i> c) Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. d) Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông khi đề nghị phân bổ lần thứ 02 trở đi theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>áp dụng đối với loại mã, số viễn thông không phải đưa ra niêm yết để lựa chọn đấu giá</i>); - 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>áp dụng đối với loại mã, số viễn thông đưa ra niêm yết để lựa chọn đấu giá</i>).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính: 350.000 đồng/lần phân bổ (theo quy định tại Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu số 01 - Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP); - Mẫu số 03 - Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP); - Mẫu số 04 - Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông khi đề nghị phân bổ lần thứ 02 trở đi (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện để thực	Không có

hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn". - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

(Áp dụng trường hợp mã, số viễn thông phân bổ theo phương thức trực tiếp)

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp:

a) Tên tổ chức/doanh nghiệp:

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Đầu mối liên hệ:

- Họ tên:Chức vụ:.....

- Điện thoại:.....Email:.....

- Số Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông:.....*(đối với doanh nghiệp viễn thông).*

2. Thông tin về mã, số viễn thông

a) Tên mã, số viễn thông: *(Ghi rõ tên mã, số viễn thông, ví dụ: Số thuê bao di động H2H);*

b) Mã, số viễn thông hoặc khối mã, số viễn thông: *(Ví dụ: khối 9ABCDEF gắn với mã mạng di động H2H 51);*

c) Phạm vi đề nghị: *(Ví dụ: toàn quốc);*

d) Số lượng: *(Ví dụ: 200.000 số);*

3. Hiện trạng khai thác, sử dụng mã, số viễn thông

a) Số lượng mã, số viễn thông đã được phân bổ: *(Ví dụ: 2.000.000 số);*

b) Hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông: *(Ví dụ: 80%).*

4. Thực hiện nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng kho số

(Ví dụ: đã nộp đầy đủ, đúng hạn lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông theo quy định).

5. Thực hiện chế độ báo cáo

(Ví dụ: Báo cáo đầy đủ, đúng hạn về tình hình khai thác, sử dụng mã, số viễn thông theo quy định).

6. Tài liệu kèm theo

a) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập *(đối với tổ chức không phải doanh nghiệp);*

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không đúng quy định;

c) Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông.

d) Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông *(trường hợp đề nghị phân bổ từ lần 2 trở đi);*

đ) Tài liệu khác *(nếu có)*

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng quy định về quy hoạch, quy định về quản lý kho số viễn thông.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm....

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) báo cáo kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông đề nghị phân bổ kèm theo Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông số..... như sau:

1. Tên mã, số viễn thông: (Ghi rõ tên mã, số viễn thông theo đơn đề nghị, ví dụ: Số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn);
2. Mục đích sử dụng mã, số viễn thông: (Ghi rõ mục đích sử dụng. Ví dụ: sử dụng để cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông, tư vấn pháp luật...);
3. Hạ tầng kỹ thuật dùng để khai thác, sử dụng mã, số viễn thông: (Ghi rõ mã, số viễn thông được khai báo, sử dụng trên hạ tầng mạng gì? Ví dụ: Sử dụng trên hạ tầng mạng viễn thông di động);
4. Kế hoạch khai thác, sử dụng mã, số viễn thông: (Ghi rõ lịch trình dự kiến thực hiện việc khai thác, sử dụng mã, số viễn thông, kế hoạch khai báo, kết nối, định tuyến, dịch vụ cung cấp gắn với mã, số viễn thông, đối tượng sử dụng, phạm vi và quy mô, lộ trình triển khai, sử dụng mã, số viễn thông).

Đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO HIỆU SUẤT SỬ DỤNG MÃ, SỐ VIỄN THÔNG*(Áp dụng cho việc đề nghị phân bổ mã, số viễn thông từ lần thứ 02 trở đi)*

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) báo cáo số liệu và tình hình khai thác, sử dụng mã, số viễn thông cho việc đề nghị phân bổ thêm như sau:**1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp:**

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên: Điện thoại:.....
- Chức vụ: Email:.....

2. Hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông tính đến thời điểm đề nghị phân bổ:

STT	Loại mã, số viễn thông được phân bổ	Số lượng mã, số viễn thông được phân bổ	Phạm vi mã, số viễn thông được phân bổ	Số lượng mã, số viễn thông đang hoạt động	Hiệu suất sử dụng (%)
...	...	A	...	B	$D=B/A*100$
...	...	A	...	B	$D=B/A*100$

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo này.**Đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

23. Thủ tục phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Người trúng đấu giá mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phân bổ mã, số viễn thông tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i>. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định phân bổ mã, số viễn thông trúng đấu giá. 3. Trường hợp từ chối phân bổ mã, số viễn thông, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Viễn thông có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) <i>Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> b) <i>Tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp); bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (áp dụng đối với cá nhân). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai</i>

	<i>thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính: 350.000 đồng/lần phân bổ (theo quy định tại Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 02 - Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông (áp dụng trường hợp mã, số viễn thông phân bổ qua phương thức đấu giá)</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viên thông.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

(Áp dụng trường hợp mã, số viễn thông phân bổ qua phương thức đấu giá)

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:

1.1 Trường hợp là cá nhân

- Họ tên:Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên:Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông:.....ngày cấp:..... ngày hết hạn:(đối với doanh nghiệp viễn thông).

2. Thông tin về mã, số viễn thông

2.1 Trường hợp mã, số viễn thông trúng đấu giá là số thuê bao di động

STT	Số thuê bao di động	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động trúng đấu giá: ví dụ 0989.999.999

(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHCN, ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025

2.2 Trường hợp mã, số viễn thông trúng đấu giá là mã mạng di động, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp thông tin

STT	Mã, số viễn thông	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ mã, số viễn thông trúng đấu giá: ví dụ Số SMS 9029

(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHHCN, ví dụ: Quyết định số 998/QĐ-BKHHCN ngày 01/3/2025

3. Tài liệu kèm theo:

3.1 Trường hợp là cá nhân:

Bản sao căn cước công dân hoặc căn cước trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không đúng quy định.

3.2 Trường hợp là tổ chức, doanh nghiệp:

- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp);

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không chính xác;

(Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai (Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

(ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân); ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (đối với tổ chức, doanh nghiệp)

24. Thủ tục hoàn trả mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức trực tiếp; mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức trực tiếp; mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. 3. Trường hợp không chấp nhận việc hoàn trả mã, số viễn thông, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có có văn bản thông báo và nêu rõ lý do không chấp nhận
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) <i>Đơn đề nghị hoàn trả mã số viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> b) <i>Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp); bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ quan tiếp</i>

	<i>nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Mẫu số 03 - Đơn đề nghị hoàn trả mã số viễn thông tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".
--	--

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân**1.1 Trường hợp là cá nhân**

- Tôi là:Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên:Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin về mã, số viễn thông**2.1 Trường hợp mã, số viễn thông hoàn trả là số thuê bao di động:**

STT	Số thuê bao di động	Quyết định phân bổ	
	(1)	(2)	
		Số	Ngày tháng năm
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999

(2): Ghi rõ Số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2025.

2.2 Trường hợp mã, số viễn thông hoàn trả là mã mạng di động, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp thông tin

STT	Tên mã, số	Mã, số (khối mã, số)	Số lượng mã, số	Quyết định phân bổ	
	(1)	(2)	(3)	(4)	
				Số	Ngày tháng năm
1					
2					
...					

(1): Ghi rõ tên mã, số viễn thông: Ví dụ: Số dịch vụ tin nhắn ngắn

(2): Ghi rõ mã, số viễn thông, ví dụ 9029

(3): Ghi rõ số lượng mã, số;

(4): Ghi rõ Số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2024.

3. Tài liệu kèm theo:

- Giải pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông (nếu có).

(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) cam kết chịu trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật.

**Đại diện theo pháp luật của
tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân**

*(ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân); ký,
ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (đối
với tổ chức, doanh nghiệp))*

25. Thủ tục đổi số thuê bao viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị đổi số thuê bao viễn thông tới <i>Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i>. 2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định chấp thuận đổi số thuê bao viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. Trường hợp từ chối việc đổi số thuê bao viễn thông, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Viễn thông có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối. 3. Doanh nghiệp viễn thông báo cáo kết quả việc đổi số thuê bao viễn thông với Cục Viễn thông theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i> <i>(Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ:</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh;</i> <i>+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, TP. Đà Nẵng).</i> - <i>Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị đổi số thuê bao viễn thông theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. b) Kế hoạch đổi số thuê bao viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. c) Bản sao giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng</i>

	thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định chấp thuận đổi số thuê bao viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị đổi số thuê bao viễn thông theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 115/2025/NĐ-CP. - Kế hoạch đổi số thuê bao viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. - Báo cáo kết quả đổi số thuê bao viễn thông theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước

	thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn". <i>- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>
--	--

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI SỐ THUÊ BAO VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp

a) Tên doanh nghiệp:

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Đầu mối liên hệ:

- Họ tên:Chức vụ:.....

- Điện thoại:Email:.....

d) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số:..... ngày cấp:..... ngày hết hạn:

2. Thông tin về đổi số thuê baoa) Tên thuê bao: *(Ví dụ: Thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất);*b) Mục đích đổi số: *(Ví dụ: Bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả);*c) Phạm vi đổi số: *(Ví dụ: Thành phố Hải Phòng);*d) Khối số đề nghị đổi: *(Ví dụ: Khối số 352ABCD và 353ABCD);*đ) Số lượng thuê bao sẽ đổi số: *(Ví dụ: 20.000 số);*e) Thời gian đổi số dự kiến: *(Ví dụ: Từ 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 6 năm 2026);***3. Tài liệu kèm theo***(Ví dụ: Kế hoạch đổi số thuê bao; phương án kỹ thuật...);**(Tên tổ chức/doanh nghiệp)* cam kết thực hiện thực hiện đúng quy định về đổi số thuê bao viễn thông.**Đại diện theo pháp luật của**
tổ chức/doanh nghiệp*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm...

KẾ HOẠCH ĐỔI SỐ THUÊ BAO VIỄN THÔNG*(kèm theo đơn đề nghị đổi số thuê bao viễn thông)*

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp

a) Tên doanh nghiệp:

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Đầu mối liên hệ:

- Họ tên: Chức vụ:

- Điện thoại: Email:

d) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ngày cấp: ngày hết hạn: ...

2. Kế hoạch đổi số thuê bao viễn thông

a) Mục đích, yêu cầu:

- Mục đích, phạm vi việc đổi số thuê bao;
- Các yêu cầu khi thực hiện kế hoạch đổi số thuê bao viễn thông;
- Rà soát, thống kê số lượng, danh sách số thuê bao viễn thông;
- Chuẩn bị nhân lực, vật lực để thực hiện.

b) Nội dung của Kế hoạch đổi số thuê bao viễn thông:

- Giai đoạn, thời gian triển khai;
- Các bước tiến hành thực hiện;
- Phương án, cách thức truyền thông;
- Phương án kỹ thuật triển khai thực hiện.

3. Tài liệu kèm theo

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về đổi số thuê bao viễn thông.

Đại diện theo pháp luật của
tổ chức/doanh nghiệp*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

**TÊN TỔ CHỨC/DOANH
NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỔI SỐ THUÊ BAO VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định, (Tên doanh nghiệp) báo cáo kết quả đổi số thuê bao viễn thông như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

a) Tên doanh nghiệp:.....

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Đầu mối liên hệ:

- Họ tên: Chức vụ:

- Điện thoại: Email:

d) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ngày cấp: ngày hết hạn:.....

2. Thông tin về việc đổi số thuê bao viễn thông

a) Tên số thuê bao đã đổi:

b) Mục đích đổi số:

c) Phạm vi đổi số: Thời gian đổi số:

d) Khối số đã thực hiện: Số lượng:

đ) Thông báo việc đổi số thuê bao viễn thông trên các phương tiện thông tin đại chúng:

- Thời gian thông báo:

- Phương tiện thông tin thông báo:

e) Việc hướng dẫn người sử dụng dịch vụ viễn thông cách thức quay số sau khi tiến hành đổi số thuê bao viễn thông:

g) Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khác thực hiện việc đổi số thuê bao viễn thông:

h) Triển khai các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tối đa việc mất liên lạc (nếu có) trước, trong và sau quá trình đổi số thuê bao viễn thông:

(Tên doanh nghiệp) xin báo cáo kết quả việc đổi số thuê bao viễn thông như trên.

**Đại diện theo pháp luật của tổ
chức/doanh nghiệp**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung
--------------------	--

	cấp dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - <i>Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng theo mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông

	<i>2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				

4				
---	--	--	--	--

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao

¹ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của**Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);**Theo đề nghị của ...***NAY CHO PHÉP****Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO**CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/
CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp***1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng***

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- b) Loại hình dịch vụ cung cấp
- c) Phạm vi cung cấp dịch vụ

- d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ
- đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
- e) Thuê kênh và kết nối
- g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

2. Thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính
--------------------	---

	thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025

	của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
--	--

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				

4				
---	--	--	--	--

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 133 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư² số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao

² Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
 (Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

2. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG**

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của**Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);**Theo đề nghị của...***NAY CHO PHÉP****Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- *Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/
CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp***1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng***

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- b) Loại hình dịch vụ cung cấp
- c) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ

- đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
- e) Thuê kênh và kết nối
- g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i>

hiện	- <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - <i>Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh

đính kèm)	doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông <i>2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				

4				
---	--	--	--	--

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG**

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của**Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);**Theo đề nghị của ...***NAY CHO PHÉP****Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

(sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư³ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

³ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ
--------------------	---

	Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - <i>Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 1 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				

4				
---	--	--	--	--

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...***GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG**

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của**Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);**Theo đề nghị của...***NAY CHO PHÉP****Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁴ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

⁴ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- 1.....
- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

5. Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i>

	- <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông <i>theo Mẫu số 02 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn <i>theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 02 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông</i>

	<i>vụ viễn thông</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm..... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngàytháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của**Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);**Theo đề nghị của...***NAY CHO PHÉP****Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng mạng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

6. Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp</i>

	<i>tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông <i>theo Mẫu số 02 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn <i>theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP</i>. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng <i>Mẫu số 11 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 02 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông;

có)	2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm..... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngàytháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...***GIẤY PHÉP****CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG**

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của**Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);**Theo đề nghị của ...***NAY CHO PHÉP****Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
- đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
 - Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

7. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ
--------------------	---

	chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố

	trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15

	tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. <i>- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				

4				
---	--	--	--	--

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁵ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

⁵ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG**
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

3. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

4. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP**Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

(sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

8. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>

	- <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - <i>Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng Mẫu số 11 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

	<i>2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN**I. Dự báo và phân tích thị trường**

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				

4				
---	--	--	--	--

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.
8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁶
số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ...
ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê

⁶ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG**

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của**Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);**Theo đề nghị của ...***NAY CHO PHÉP****Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà

nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉPGiấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạngdo...cấp ngày...tháng...năm ...**II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP****1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng****a) Dung lượng mạng**Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.**b) Thiết bị mạng viễn thông**

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).**c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông**

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.**đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp**

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
 - Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.
- Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông
- Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.
- 2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng**
- a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
- b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - Các vấn đề khác (nếu có).
- c) Kết nối viễn thông
- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

9. Thủ tục phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H nộp hồ sơ đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i>. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, ban hành quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H. Trường hợp từ chối phân bổ số thuê bao di động H2H, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H <i>theo Mẫu số 03 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;</i> - Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân). <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá theo Mẫu số 25 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Lệ phí: 350.000 đồng/lần
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 03 - Đơn đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ SỐ THUÊ BAO DI ĐỘNG H2H
THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ

Kính gửi:

1. Thông tin tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:

1.1. Trường hợp là cá nhân

- Họ tên:Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số thẻ CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....

1.2. Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên:Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin về số thuê bao di động H2H.

STT	Số thuê bao di động H2H	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động trúng đấu giá: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ Khoa học và Công nghệ, ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025.

3. Tài liệu kèm theo:

3.1. Trường hợp là cá nhân:

Bản sao căn cước công dân hoặc căn cước trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không đầy đủ, không chính xác.

3.2. Trường hợp là tổ chức, doanh nghiệp:

- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp);
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không đầy đủ, không chính xác.

3.3. Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

(Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai (Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

(Ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân); ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (đối với tổ chức, doanh nghiệp))

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhântại Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá cho (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) có Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số.... (đối với tổ chức, doanh nghiệp), có Căn cước công dân hoặc căn cước số.....(đối với cá nhân) như sau:

STT	Số thuê bao di động H2H	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHCN, ví dụ: Quyết định số 998/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025.

Điều 2. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* có trách nhiệm trong việc sử dụng số thuê bao di động H2H trúng đấu giá được phân bổ như sau:

1. Sử dụng số thuê bao di động trúng đấu giá theo đúng pháp luật về Quy hoạch kho số viễn thông và Quy định về quản lý kho số viễn thông.

2. Nộp lệ phí phân bổ số thuê bao di động H2H trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

3. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* phải hoà mạng sử dụng dịch vụ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

4. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông có liên quan đưa số thuê bao di động H2H vào sử dụng.

5. Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ khi không còn nhu cầu sử dụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, và *Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp) hoặc (tên cá nhân)* và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)

10. Thủ tục hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H đến <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</i> nơi ra quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá; 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, ban hành quyết định về việc hoàn trả số thuê bao di động H2H. Trường hợp không chấp nhận việc hoàn trả số thuê bao di động H2H, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không chấp nhận.
Cách thức thực hiện	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i> - <i>Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H <i>theo Mẫu số 04 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; - Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân). <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trúng được phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi ra quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá theo Mẫu số 27 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 04 - Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông</i>

TÊN TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ SỐ THUÊ BAO DI ĐỘNG H2H PHÂN BỐ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ**

Kính gửi:

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân**1.1 Trường hợp là cá nhân**

- Tôi là:Quốc tịch.....

- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

- Số thẻ CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....

- Điện thoại:..... Email:.....

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Đầu mối liên hệ:

- Họ tên:Chức vụ:.....

- Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin về số thuê bao di động H2H

STT	Số thuê bao di động H2H (1)	Quyết định phân bổ (2)	
		Số	Ngày tháng năm
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2025.

3. Tài liệu kèm theo:

- Giải pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông (nếu có).

(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) cam kết chịu trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật.

**Đại diện theo pháp luật của
tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân**(ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân);
ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(đối với tổ chức, doanh nghiệp))

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-KHCN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hoàn trả số thuê bao di động H2H
phân bổ theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhântại Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp nhận việc *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* có Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số.... *(đối với Tổ chức, doanh nghiệp)*, có Căn cước công dân hoặc căn cước số.....*(đối với cá nhân)* hoàn trả số thuê bao di động H2H sau:

TT	Số thuê bao di động H2H	Số lượng	Quyết định phân bổ		Ghi chú
			Số	Ngày/tháng/năm	

Điều 2. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* có trách nhiệm:

1. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông di động có liên quan ngừng việc khai thác mã, số viễn thông nêu trên kể từ ngày chấp nhận hoàn trả.

2. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Thanh toán đầy đủ các khoản lệ phí, phí sử dụng kho số viễn thông theo quy định của pháp luật tính đến ngày chấp nhận hoàn trả số thuê bao di động H2H nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ..., *Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp) hoặc tên cá nhân* và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-;
- Lưu: VT.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)